

1. Xây dựng ma trận đề kiểm tra

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ	Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ	2	1	1							1,0 điểm
2	Đặc điểm tự nhiên Việt Nam	Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa	4	1	1	1a	1b, 1c	1d		1	1	3,0 điểm
		Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên	4		1	1a 1a	1b, 1c 1b, 1c	1d 1d			2	3,75 điểm
		Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	2		1	1a	1b, 1c	1d		1	1	2,25 điểm
Tổng số câu			12 3,0đ	2 0,5đ	4 1,0đ	4 1,0đ	8 2,0đ	4 1,0đ		2 0,5đ	4 1,0đ	
Tổng số điểm			4,5đ			4,0đ			1,5đ			10 điểm
Tỉ lệ %			45%			40%			15%			100%

Nhận biết: 18 = 4,0 điểm; Thông hiểu: 12 = 3,0 điểm; Vận dụng: 12 = 3,0 điểm

2. Xây dựng đặc tả

ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN ĐỊA LÝ 12

T T	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức	Mức độ đánh giá									Tỉ lệ % điểm m
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ	Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ	Biết -Xác định được tọa độ địa lý, các điểm cực (Bắc, Nam, Đông, Tây) trên đất liền của nước ta. -Nêu tên được các bộ phận thuộc vùng biển Việt Nam (nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế, thềm lục địa). Mức độ Thông hiểu (Hiểu) - Giải thích được tại sao thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa (do vị trí nội chí tuyến, hoạt động của gió mùa và giáp Biển Đông). - Phân tích được nguyên nhân làm cho thiên nhiên nước ta có sự phân hóa đa dạng theo Bắc - Nam, Đông - Tây. - Trình bày được tầm quan trọng mang tính chiến lược của nước ta về địa - chính trị, địa - quân sự trong khu vực và trên thế giới. Vận dụng - Giải thích được vai trò của Biển Đông trong việc làm biến tính các khối khí, mang lại lượng mưa và độ ẩm lớn cho nước ta. - Giải thích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với việc phát triển các ngành kinh tế, hội nhập quốc tế (vị trí cửa ngõ, cầu nối). Tính toán được khoảng cách vĩ độ, chênh lệch múi giờ hoặc xử lý số liệu đơn giản về diện tích vùng biển, chiều dài đường biên giới.	2	1	1							1,0 điểm

2	Đặc điểm tự nhiên Việt Nam	Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa Nhận biết Nêu được các trị số cơ bản về nhiệt độ (tổng bức xạ, nhiệt độ trung bình năm, số giờ nắng). - Kể tên được các loại gió mùa hoạt động chính (gió mùa Đông Bắc, gió mùa Tây Nam). - Nêu được lượng mưa trung bình năm và độ ẩm không khí của nước ta. Thông hiểu - Giải thích được cơ chế hoạt động của các khối khí tạo nên sự phân chia mùa khí hậu khác nhau giữa các vùng. - Phân tích mối quan hệ giữa khí hậu với hiện tượng xâm thực mạnh ở đồi núi và bồi tụ nhanh ở đồng bằng. - Giải thích được đặc điểm hệ thống sông ngòi (dày đặc, nhiều nước, giàu phù sa, chế độ nước theo mùa) và quá trình hình thành đất Feralit. Vận dụng Vận dụng đặc điểm khí hậu để phân tích tính mùa vụ trong nông nghiệp và xu hướng đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi. - Đề xuất giải pháp ứng phó với các thiên tai mang tính mùa vụ (bão, lũ, hạn hán, sương muối) tại địa phương.	4	1	1	1a	1b, 1c	1d		1	1	3,0 điểm
---	----------------------------	--	---	---	---	----	--------	----	--	---	---	----------

		Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên - Thiên nhiên phân hóa theo Bắc - Nam - Thiên nhiên phân hóa theo chiều Đông - Tây - Thiên nhiên phân hóa theo độ cao	Nhận biết - Nêu được ranh giới phân chia hai phần lãnh thổ (Dãy núi Bạch Mã). - Nhận biết được đặc điểm khí hậu cốt lõi của phần lãnh thổ phía Bắc Thông hiểu Giải thích được nguyên nhân thiên nhiên nước ta phân hóa Bắc – Nam chủ yếu do sự giảm sút bức xạ mặt trời từ chí tuyến về xích đạo kết hợp với tác động sâu sắc của gió mùa Đông Bắc. Nhận Biết Kể tên được 3 vùng sinh thái tự nhiên phân hóa từ Đông sang Tây: Vùng biển và thềm lục địa, Vùng đồng bằng ven biển, Vùng đồi núi. Thông hiểu Giải thích được mối quan hệ giữa hình thái địa hình (các dãy núi hướng vòng cung, tây bắc - đông nam) với các luồng gió mùa tạo nên sự đối lập khí hậu (mùa mưa/khô) giữa Đông Trường Sơn và Tây Nguyên, giữa Tây Bắc và Đông Bắc. Nhận biết Kể tên và nhớ được ranh giới độ cao của 3 đai cao tự nhiên: * Đai nhiệt đới gió mùa (Bắc: dưới 600-700m; Nam: dưới 900-1000m). * Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi (Từ ranh giới đai nhiệt đới đến 2600m). * Đai ôn đới gió mùa trên núi (Từ 2600m trở lên, chỉ có ở miền Bắc). - Nhận biết được loại đất (Feralit, đất mùn) và sinh vật đặc trưng của từng đai. Thông hiểu Giải thích được nguyên nhân hình thành 3 đai cao là do quy luật đai cao	4		1	1a 1a	1b, 1c 1b, 1c	1d 1d			2	3,75 điểm
--	--	--	--	---	--	---	----------	------------------	----------	--	--	---	-----------

		(càng lên cao không khí càng loãng, nhiệt độ và áp suất giảm, cứ lên cao 100m nhiệt độ giảm trung bình 0,6°C). Nhận biết Kể tên được 3 miền địa lí tự nhiên: Miền Bắc & Đông Bắc Bắc Bộ; Miền Tây Bắc & Bắc Trung Bộ; Miền Nam Trung Bộ & Nam Bộ. - Nêu được đặc điểm địa hình, khoáng sản nổi bật mang tính biểu trưng của từng miền. Thông hiểu Phân biệt được sự khác nhau về địa hình, khí hậu, sông ngòi và tài nguyên giữa 3 miền tự nhiên để thấy được tính toàn vẹn và phân hóa của lãnh thổ. Vận dụng Sử dụng Atlat để xác định các đỉnh núi cao tương ứng với các đai cao khí hậu. - Đánh giá được thế mạnh (trồng cây ôn đới, cận nhiệt, phát triển du lịch nghỉ dưỡng như Sa Pa, Đà Lạt) và hạn chế của các đai cao đối với phát triển kinh tế.										
	-Các miền địa lí tự nhiên -Ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế- xã hội. Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường -Tài nguyên thiên nhiên	Nhận biết - Nêu được hiện trạng suy giảm diện tích, chất lượng rừng và đa dạng sinh học ở nước ta (phần lớn là rừng nghèo, rừng mới phục hồi). - Nhận biết được vai trò của Sách Đỏ Việt Nam trong việc bảo vệ nguồn gen quý hiếm. Thông hiểu Giải thích được các nguyên nhân dẫn đến suy giảm tài nguyên sinh vật (do khai thác quá mức, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cháy rừng, ô nhiễm	2		1	1a	1b, 1c	1d		1	1	2,25 điểm

[illegible]

Tổng số câu	12 3,0đ	2 0,5đ	4 1,0đ	4 1,0đ	8 2,0đ	4 1,0đ		2 0,5đ	4 1,0đ	
Tổng số điểm	4,5đ			4,0đ			1,5đ			10 điểm
Tỉ lệ %	45%			40%			15%			100%

1. NL1: Nhận thức khoa học địa lí; NL2: Tìm hiểu địa lí; NL 3: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

2. Mức độ: Biết: 16 câu và ý = 4,0 điểm; Thông hiểu: 12 câu và ý = 3,0 điểm; Vận dụng: 12 câu và ý = 3,0 điểm

Vĩnh Long, ngày 13/10/2026

GIÁO VIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Chót